

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN LOẠI HÌNH LỚP GHEP TIỂU HỌC Ở KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG: THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ

○ NGUYỄN HỮU HẠNH*

Lớp ghép (LG) đã có một lịch sử phát triển lâu dài thời phong kiến Việt Nam. Đó là lớp học của các ông đồ, ông cống và của các hương sư làng quê. Hiện nay, LG đang phát triển và được chú ý tạo điều kiện nhằm đa dạng hóa các loại hình học tập, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. «LG là một hình thức tổ chức dạy học với một GV trong cùng một phòng học, cùng một thời gian, tổ chức học tập cho nhiều nhóm HS thuộc nhiều trình độ khác nhau» (1; 7).

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) gồm 13 tỉnh. Diện tích đất tự nhiên 39.739km². Dân số trên 17 triệu người (Kinh, Khmer, Hoa, Chăm). Dân tộc thiểu số ở ĐBSCL chủ yếu là người Khmer, người Hoa và người Chăm, trong đó người Khmer chiếm số lượng lớn. Thế mạnh kinh tế của ĐBSCL là sản xuất nông nghiệp và khai thác thủy hải sản.

ĐBSCL có hơn 700km bờ biển và mạng lưới giao thông đường bộ đan xen với hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, dày đặc với tổng chiều dài đến 28.000km. Dân cư trong vùng ở phân tán, việc đi lại, học tập của người dân và HS gặp nhiều khó khăn. Kinh tế phát triển, đời sống của người dân không ngừng được cải thiện và nâng lên. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận dân cư đời sống còn nhiều khó khăn, nhất là dân tộc Khmer. Về giáo dục, ĐBSCL «nằm ở vị trí thấp nhất trong bản đồ GD-ĐT của cả nước» (2; 18). «Theo khảo sát của Bộ GD-ĐT, cuối năm 2008 vùng ĐBSCL hiện có HS phổ thông bỏ học cao nhất nước, chiếm đến 3,1%. Trong khi đó, tỉ lệ này ở các vùng miền khác là: đồng bằng sông Hồng 0,32%, Đông Bắc 1,03%, Tây

Bắc 2,09%, Bắc Trung bộ 1,14%, duyên hải Nam Trung bộ 1,22%, Tây Nguyên 1,58% và Đông Nam bộ 1%» (3).

Đặc điểm về địa lí, kinh tế, văn hóa xã hội như vậy đã ảnh hưởng rất lớn đến việc quy hoạch phát triển mạng lưới trường lớp học tập trung. Thực hiện các nghị quyết về GD-ĐT, đi đôi với phát triển lớp đơn, ngành GD-ĐT các địa phương vùng ĐBSCL đã phát triển mô hình LG tiểu học nhằm huy động trẻ em đúng độ tuổi đi học, trẻ em bỏ học và thất học được đến trường.

Thực trạng phát triển loại hình LG tiểu học ở khu vực ĐBSCL qua các năm học thể hiện ở các bảng dưới đây (Nguồn: Báo cáo của các Sở GD-ĐT Kiên Giang, Cà Mau, Hậu Giang, An Giang, Đồng Tháp, Trà Vinh, Vĩnh Long).

Số liệu HS và LG tiểu học năm học 2006-2007 và năm học 2007-2008

TT	Tỉnh	Số lớp						Số HS	
		Tổng số		2 trình độ		3 trình độ		2006-2007	2007-2008
		2006-2007	2007-2008	2006-2007	2007-2008	2006-2007	2007-2008		
1	Kiên Giang	374	337	373	336	1	1	7.148	6068
2	Cà Mau	101	148	101	148			2109	2876
3	Hậu Giang	33	48	33	48			810	539
4	An Giang	10	11	10	11			193	195
5	Đồng Tháp	92	92	92	92			1839	1727
6	Trà Vinh	65	53	65	53			1080	727
	Cộng	575	689	574	688	1	1	13.179	12.132

Thống kê số liệu HS và số LG tiểu học năm học 2008-2009

TT	Tỉnh	Số lớp			Số HS
		Tổng số	2 trình độ	3 trình độ	
1	Kiên Giang	266	259	7	4708
2	Cà Mau	53	53		1353
3	Hậu Giang	31	31		639
4	An Giang	43	43		702
5	Vĩnh Long	1	1		14
6	Trà Vinh	76	76		3150
	Cộng	470	463	7	10.566

Thực tế cho thấy, LG ở khu vực ĐBSCL còn tương đối nhiều. Số lượng LG 2 trình độ chiếm tỉ lệ rất cao. Mô hình dạy học LG đã góp phần

* Trưởng THPT Phó Cơ Điều, Kiên Giang

quan trọng thực hiện mục tiêu quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. LG đã góp phần tích cực thực hiện có hiệu quả xã hội hóa giáo dục, đa dạng hóa các loại hình học tập đáp ứng yêu cầu người học. Mô hình này đã góp phần tích cực cho quyền được học tập của mọi người dân, đảm bảo tính nhân văn sâu sắc, tính khoa học, tính đại chúng, tính dân tộc, phục vụ phát triển KT-XH, nhất là ở vùng khó khăn, vùng dân tộc. Ngoài ra, LG còn góp phần giải quyết tình trạng thiếu GV, thiếu cơ sở vật chất trường học và xóa ấp trắng về giáo dục ở những vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc; hạn chế tỉ lệ HS bỏ học và thất học; nhờ vậy, «... Tình hình HS yếu kém ngồi sai lớp, HS bỏ học tại các cấp học, tình hình vi phạm đạo đức nhà giáo đều giảm so với năm học trước” (4). Báo cáo của Bộ GD-ĐT (tháng 3/2009) cho thấy, tỉ lệ HS phổ thông bỏ học ở học kì I năm học 2008-2009 vùng ĐBSCL giảm xuống còn 0,88% (tỉ lệ bình quân chung cả nước còn là 0,56%). Trước đó, thống kê HS bỏ học học kì II năm học 2007-2008 tỉ lệ bỏ học vùng ĐBSCL là 3,1% (trong khi cả nước là 1,37%)” Thực chất, LG là một trong những giải pháp về phát triển giáo dục ở những vùng này. Tổ chức dạy học LG cũng chính là góp phần thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục mà Đảng và Nhà nước ta đề ra.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, còn những hạn chế trong phát triển loại hình LG tiểu học ở ĐBSCL. Đó là năng lực giảng dạy của GV chưa cao, do việc đào tạo GV dạy LG trong trường sư phạm đơn thuần về mặt lí thuyết, chưa thực hành dạy LG trong hoàn cảnh thực. Hơn nữa, sau khi ra trường giảng dạy, việc tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ cho GV chưa được chú ý đúng mức, thường xuyên nên kĩ năng dạy LG chưa cao. Một bộ phận GV dạy LG ở vùng dân tộc Khmer chưa biết tiếng Khmer, trở ngại cho việc giao tiếp của GV với HS và người dân trong vùng. Trong năm học, HS dân tộc Khmer thường nghỉ học tự do, ý thức chấp hành nội quy học tập chưa cao. Cơ sở vật chất phòng học không đúng quy cách, tạm bợ; đồ dùng dạy học thiếu thốn, thiếu sân chơi bãi tập,... Những tác động này ảnh hưởng không tốt đến chất lượng nền nếp dạy và học LG tiểu học ở khu vực ĐBSCL.

Ở những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, dân cư thưa thớt, phân tán; điều kiện thiên nhiên, kinh tế khó khăn, dân trí thấp,... không đủ HS để mở các lớp, các trường

chính quy thực hiện đầy đủ giáo dục tiểu học; nếu không tìm được một hình thức giáo dục phù hợp, HS sẽ thất học và như vậy không thể thực hiện phổ cập giáo dục, không thể thực hiện bình đẳng giáo dục và quyền học tập cho mọi người mà trước hết cho thế hệ trẻ. Vì vậy, khắc phục những hạn chế của mô hình tổ chức LG tiểu học hợp lí, nâng cao chất lượng dạy và học LG sẽ góp phần giảm khó khăn cho con em các gia đình vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc, đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục trong giai đoạn hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- (1) Bộ GD-ĐT. **Giáo dục lớp ghép và song ngữ ở trường tiểu học Việt Nam**. NXB Giáo dục, H 2000.
- (2) Bộ GD-ĐT. **Phát triển giáo dục và đào tạo vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020**, Cần Thơ 1/2/2005.
- (3) Báo Tuổi trẻ ngày 2/1/2009.
- (4) Báo Giáo dục & Thời đại ngày 21/8/2009.

Liên kết đào tạo...

(Tiếp theo trang 62)

Để quá trình LK đạt hiệu quả cao, vai trò của nhà nước góp phần không nhỏ. Hiện nay Trường CĐCN&KT Hà Nội đang rất lung túng, dè dặt khi LKĐT với DN do phải trông chờ các văn bản dưới luật, thông tư hướng dẫn cụ thể, những chính sách từ phía nhà nước và cơ quan chủ quản làm cơ sở pháp lí cho mọi hoạt động của nhà trường và DN. Khi hệ thống chính sách được hoàn thiện, hoạt động LKĐT với DN sẽ phát triển vững chắc, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu xã hội. □

- (1) Nguyễn Xuân Mai. “Hoàn thiện hệ thống chính sách để phát triển liên doanh, liên kết giữa các trường dạy nghề và doanh nghiệp trong đào tạo” Tạp chí *Khoa học giáo dục* số 57/6/2010.
- (2) Đảng Cộng sản Việt Nam. **Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX**. NXB Chính trị quốc gia, H. 2001.
- (3) Nguyễn Minh Đường - Phan Văn Kha. **Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế**. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2006
- (4) Trịnh Thị Hoa Mai. “Liên kết đào tạo giữa nhà trường đại học với doanh nghiệp ở Việt Nam”. Tạp chí *Kinh tế - Luật*, số 24/2008.
- (5) Nguyễn Đức Trí. “Một số cơ sở và định hướng chủ yếu của việc đổi mới đào tạo cao đẳng ở nước ta hiện nay”. Tạp chí *Khoa học giáo dục*, số 52/2010.